TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2025/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 18 tháng 3 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

* Chị **Nguyễn Thị Ngọc G** - Sinh năm: 1990; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

* Anh **Nguyễn Châu H** - Sinh năm: 1990, địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Châu H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/01/2017 là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị G và anh H thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này của chị G, anh H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Chị G và anh H có một người con chung là: Nguyễn Hoàng Thiên P - Sinh ngày 24/8/2017 (hiện đang sống chung với anh H). Chị G, anh H thỏa thuận được với nhau là: Chị G được quyền nuôi con, anh H không

phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của chị G, anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị G, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị G, anh H trình bày là không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Chị G, anh H tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Châu Hòa thuận T ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2) Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Ngọc G được quyền nuôi người con chung giữa chị với anh Nguyễn Châu H là: Nguyễn Hoàng Thiên P - Sinh ngày 24/8/2017 (hiện đang sống chung với anh H) cho đến khi người con này đủ mười tám tuổi. Anh Nguyễn Châu H có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên P - Sinh ngày 24/8/2017 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Châu H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Ngọc G không yêu cầu.

Anh H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị G có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Vì lợi ích của con chung, chị G, anh H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3) Về tài sản chung: Chị G, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.4) Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

2/ Về lệ phí sơ thẩm: Chị G, anh H tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà chị G, anh H đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006796 ngày 28/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; chị G, anh H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Chị Nguyễn Thị Ngọc G (01 bản);
- Anh Nguyễn Châu H(01 bản);
- UBND xã Thành An (01 bản);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc (01 bản);
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp (03 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên